TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K- TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **38/2019/HNGĐ-ST** Ngày 26/11/2019 "V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự và ông Ngô Gia Khánh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 195/2019/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019 về " Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08/11/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Á, sinh năm 1989, ĐKHKTT và trú tại: xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Lại Văn V, sinh năm 1983, ĐKHKTT và trú tại: xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Thị Á trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết trình bày như sau: Chị và anh Lại Văn V kết hôn, có đăng ký kết hôn năm 2006 tại UBND xã H, huyện K là quê của anh V. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm 5, xã K.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; theo chị Á thì chị và anh V kết hôn do được sắp đặt của bố mẹ nên khi về chung sống thời gian ngắn đã thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau; nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, lối sống, không tìm được tiếng nói chung. Anh V còn có tính gia trưởng, không tôn trọng chị, luôn bắt buộc chị phải làm theo ý của

anh V; nếu chị không làm thì anh V chửi bới, đánh đập chị, đập phá đồ đạc trong nhà; vì các con và cũng phụ thuộc về kinh tế do chị làm không đảm bảo được cuộc sống của các con nên chị đã phải chịu đựng nhiều năm nay. Mặt khác gia đình hai bên cũng động viên, khuyên giải cho vợ chồng chung sống hòa thuận nên chị cố chịu đựng; nhưng mâu thuẫn không được khắc phục do anh V không thay đổi. Cuộc sống chung quá gò bó luôn bị xúc phạm, không được tôn trọng nên chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, có cùng chung sống cũng không hạnh phúc. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh V ly hôn để chị ổn định cuộc sống .

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Lại Tuấn A, sinh ngày 20/9/2007 và Lại Vân D sinh ngày 20/01/2016. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh V đóng góp tiền nuôi con cho chị.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lại Văn V trong bản tự khai và trong quá trình giải quyết trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận thời gian kết hôn như chị Á đã trình bày; về điều kiện kết hôn chị Á trình bày không đúng mà do hai bên tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại xóm 5, xã K, quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và có cãi chửi nhau nhưng anh không đánh chị Á. Anh cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng anh chưa đến mức phải ly hôn, vợ chồng vẫn chung sống được với nhau. Mặt khác do anh là người theo đạo Thiên chúa, không được phép ly hôn. Vì vậy anh không nhất trí ly hôn, nếu chị Á vẫn kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn với anh thì doTòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh V xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị anh trình bày. Nếu ly hôn anh đồng ý để chị Á nuôi dưỡng cả hai con chung và sẽ đóng góp tiền nuôi con theo quy định của pháp luật. Nếu chị Á không nhận nuôi con thì anh sẽ nhận nuôi cả hai con.

Về tài sản: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung của vợ chồng là Lại Tuấn A thuộc trường hợp được Tòa án hỏi ý kiến theo quy định của Luật HNGĐ thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng nguyên đơn, bị đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K hướng giải quyết: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14; Xử ly hôn giữa chị Trần

Thị Á và anh Lại Văn V; Giao chị Á trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung của vợ chồng là Lại Tuấn A sinh ngày 20/9/2007 và Lại Vân D sinh ngày 20/01/2016; Anh V không phải đóng góp tiền nuôi con cho chị Á; chị Á phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị Á khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Lại Văn V, hiện cư trú tại xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Á và anh Lại Văn V kết hôn có đăng ký kết hôn năm 2006 tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ; sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị Á trình bày do hôn nhân sắp đặt của bố mẹ nên vợ chồng chỉ sống chung thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng về lối sống, quan điểm sống, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau; ngoài ra anh V tính gia trưởng, luôn bắt buộc chị phải làm theo ý anh, nếu không làm theo thì anh V chửi bới đánh đập làm chị bị ảnh hưởng về tinh thần và ảnh hưởng đến học tập của các con; việc chị chưa ly hôn trước đây là do vì con cái và công việc chưa đảm bảo đủ điều kiện sống cho các con; sau thời gian tự chủ về kinh tế và suy nghĩ kỹ chị quyết tâm ly hôn để ổn định cuộc sống mới tốt hơn cho mình và các con khỏi bạo hành về thể xác tinh thần.

Về phía anh V cũng xác nhận quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra cãi chửi nhau mà nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, nhưng anh không đánh chị Á. Anh cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng anh chưa đến mức phải ly hôn, vợ chồng vẫn chung sống được với nhau; hơn nữa anh là người theo đạo Thiên chúa không được phép ly hôn; anh Vinh không nhất trí ly hôn nhưng nếu chị Á kiên quyết thì do Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần giúp tìm nguyên nhân và cách khắc phục mâu thuẫn để hai bên trở về đoàn tụ xây dựng hạnh phúc nhưng không có kết quả. Anh V mặc dù không muốn ly hôn nhưng không đưa được biện pháp khắc phục mâu thuẫn cụ thể mà chỉ nói với chị Á về việc vợ chồng theo đạo thiên chúa không được phép ly hôn.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị Ánh và anh Vinh tại địa phương thì thì chính quyền địa phương nơi anh chị cư trú cho biết địa phương không nắm được tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh V và chị Á do từ trước đến nay không nhận được yêu cầu xem xét hòa giải do mâu thuẫn gia đình của vợ chồng họ. Hàng

xóm láng giềng và gia đình của chị Á thì xác định giữa anh V chị Á thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, phương thức làm ăn. Trước đây anh V có đánh đập chị Á , khoảng 1 năm trở lại đây, anh V không đánh chị Á nữa mà chửi bới. Mỗi lần vợ chồng xảy ra xô xát, hai bên gia đình đều đã hòa giải nhưng vẫn mối quan hệ của vợ chồng vẫn không được cải thiện.

Như vậy đã có đủ cơ sở xác định vợ chồng anh V và chị Á trong quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, lối sống.Mâu thuẫn phát sinh đã lâu, kéo dài và ngày càng trầm trọng; việc chị Á trình bày chịu đựng chấp nhận cuộc sống hôn nhân là vì trách nhiệm với các con là có căn cứ; việc anh V không nhất trí ly hôn chỉ do rào cản về tôn giáo chứ không phải vì tình cảm vợ chồng còn tồn tại và mâu thuẫn giữa đôi bên đã được khắc phục. Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị Á, anh V hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị Á giải quyết ly hôn anh V là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung : Chị Trần Thị Á và anh Lại Văn V đều xác định vợ chồng có có 02 con chung là Lại Tuấn A, sinh ngày 20/9/2007 và Lại Vân D sinh ngày 20/01/2016. Khi ly hôn chị Á chị yêu cầu được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh V đóng góp tiền nuôi con cho chị. Anh V cũng nhất trí nếu ly hôn anh đồng ý để chị Á nuôi cả hai con và anh sẽ đóng góp tiền nuôi con cho chị Á theo quy định. Cháu Lại Tuấn A là con chung của vợ chồng khi được hỏi ý kiến thì cháu có nguyện vọng được ở với chị Á khi bố mẹ ly hôn.

Mặc dù được giải thích nhưng chị Á vẫn từ chối không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị; chị xác định do công việc của chị đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung mà không cần sự đóng góp của anh V. Để đảm bảo cuộc sống ổn định sinh hoạt và học tập ổn định của các con chung và tôn trọng nguyện vọng của cháu Tuấn A thì việc giao cả hai con chung cho chị Á nuôi dưỡng và anh V không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của các đương sự là phù hợp, được chấp nhận.

[4] Về quan hệ tài sản: Chị Á và anh V đều không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDSS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị Ánh phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử ly hôn giữa chị Trần Thị Á và anh Lại Văn V.

2/ Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Á trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là Lại Tuấn A, sinh ngày 20/9/2007 và Lại Vân D, sinh ngày 20/01/2016. Anh V không phải đóng góp tiền nuôi con cho chị Á. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom chăm sóc con chung.

3/ Về án phí: Chị Trần Thị Á phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA3149 ngày 02/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Kể từ ngày chị Á có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh V không nộp số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thế Anh